

## Chương 8

### Hệ thống Báo cáo tài chính

1

### Nội dung

Tổng quan về BCTC

Thông tin trên Bảng cân đối kế toán

Thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mối quan hệ giữa BCĐKT và BCKQHĐKD

Thông tin trên BCLCTT

Thông tin trên thuyết minh BCTC

Một số hạn chế của BCTC

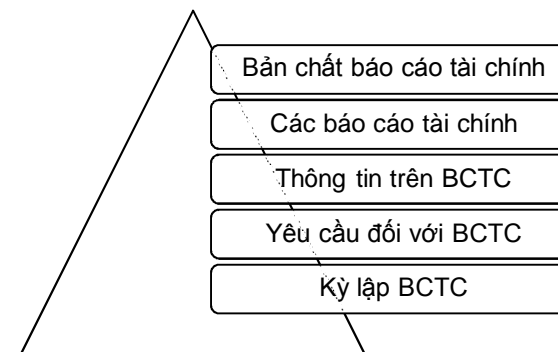
3

### Mục tiêu

- Giải thích định dạng và các thông tin trên BCTC
- Giải thích kết cấu và thông tin trên Bảng cân đối kế toán
- Giải thích kết cấu và thông tin trên BCKQHĐKD
- Đánh giá mối quan hệ giữa BCĐKT và BCKQHĐKD
- Giải thích kết cấu và thông tin trên BCLCTT
- Giải thích kết cấu và thông tin trên thuyết minh BCTC

2

### Tổng quan về báo cáo tài chính



4

### Bảng cân đối kế toán

- Đối tượng sử dụng và nhu cầu thông tin
- Mục đích của báo cáo tài chính: Là hình thức cung cấp thông tin kế toán một cách tổng quát cho đối tượng sử dụng thông tin, chủ yếu là đối tượng bên ngoài.
- Thông tin cơ bản trên báo cáo tài chính:
  - Tình hình tài chính
  - Tình hình và kết quả kinh doanh
  - Tình hình lưu chuyển tiền
  - Giải thích chi tiết

5

### Bảng cân đối kế toán

Các khái niệm

Phân bổ nguồn lực kinh tế

Kết cấu Bảng cân đối kế toán và các yếu tố trên BCĐKT

Nguyên tắc lập

Ý nghĩa của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán

7

### Thông tin trên BCĐKT

Thông tin	Báo cáo tài chính	Nội dung	Tính chất
Tình hình tài chính	Bảng cân đối kế toán	Nguồn lực kinh tế Nguồn hình thành nguồn lực kinh tế	Thời điểm
Sự thay đổi tình hình tài chính	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Sự vận động của nguồn lực kinh tế Sự thay đổi tương ứng của nguồn hình thành	Thời kỳ
Các thông tin bổ sung	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Số liệu chi tiết và các giải thích	Thời điểm và thời kỳ

6

### Bảng cân đối kế toán

- Là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách tổng quát toàn bộ giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.
- Phản ánh đối tượng kế toán tại ngày báo cáo (báo cáo thời điểm)
- Phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp

8

### Kết cấu của BGDRI

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn				
B. Tài sản dài hạn				
<b>Tổng cộng tài sản</b>				
A. Nợ phải trả				
B. Vốn chủ sở hữu				
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>				

9

### Tài sản dài hạn

- **Các khoản phải thu dài hạn:** Bao gồm các khoản phải thu dài hạn của khách hàng, phải thu nội bộ hoặc phải thu khác có tính chất dài hạn.
- **Tài sản cố định:** Bao gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý, cây lâu năm ..., các tài sản vô hình như quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa; quyền phát hành... và chi phí xây dựng cơ bản dở dang
- **Bất động sản đầu tư:** Bao gồm các bất động sản sử dụng vào mục đích cho thuê hoạt động, chờ tăng giá hoặc chưa có mục đích sử dụng.
- **Các khoản đầu tư dài hạn:** Là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi trên 1 năm, gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác
- **Tài sản dài hạn khác:** Bao gồm chi phí trả trước dài hạn, ký quỹ dài hạn...

11

- **Tiền và tương đương tiền:** Bao gồm tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển và tương đương tiền
- **Đầu tư ngắn hạn:** Là các khoản đầu tư cho mục tiêu ngắn hạn, gồm: chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác
- **Khoản phải thu:** Bao gồm khoản phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán, thuế GTGT được khấu trừ, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác.
- **Hàng tồn kho:** Bao gồm hàng đang đi đường, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí SXKD dở dang, thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi đi bán.
- **Tài sản ngắn hạn khác:** Gồm chi phí trả trước, tạm ứng, ký quỹ ngắn hạn...

10

### Thông tin cung cấp tự bảng cân đối kế toán

Tình hình tài chính:

- Các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp kiểm soát: tổng nguồn lực và phân bổ nguồn lực
- Các nguồn tài trợ cho tài sản: Ngắn hạn/dài hạn; Có lãi/không có lãi; Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu.
- Khả năng trả các món nợ tới hạn.

12

## Báo cáo kết quả kinh doanh

- Khái niệm
- Các yếu tố trên báo cáo KQHĐKD
- Giải thích tình hình kinh doanh và khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp
- Ý nghĩa thông tin trên Báo cáo KQHĐKD

13

### Doanh thu bán hàng

Toàn bộ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã ghi nhận trong kỳ của tập đoàn (bán sản phẩm, cho thuê văn phòng...)

### Các khoản giảm trừ

Các khoản được trừ khỏi doanh thu như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá..., thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (nếu có)

### Doanh thu thuần

Doanh thu thực hiện đã trừ đi các khoản giảm trừ. Số tiền này là doanh thu thực sự doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ đã cung cấp, bao gồm giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu và chi phí chế biến hoặc cung cấp dịch vụ

15

- Báo cáo KQHĐKD là báo cáo đo lường sự thành công của một doanh nghiệp trong trong một khoảng thời gian nhất định.
- Các doanh nghiệp và nhà đầu tư sử dụng báo cáo KQHĐKD để xác định lợi nhuận, giá trị đầu tư và khả năng trả nợ.
- Báo cáo KQHĐKD cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư và các chủ nợ để giúp họ dự đoán số lượng, thời gian, và tính không chắc chắn của dòng tiền.

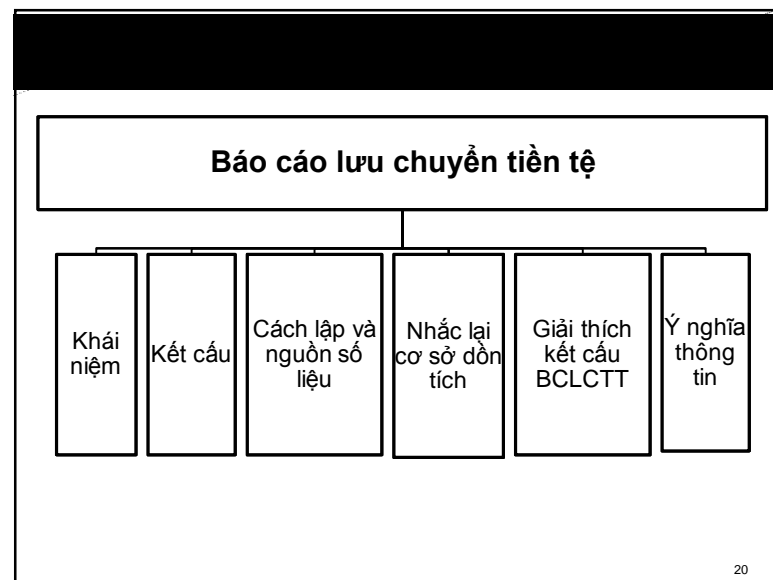
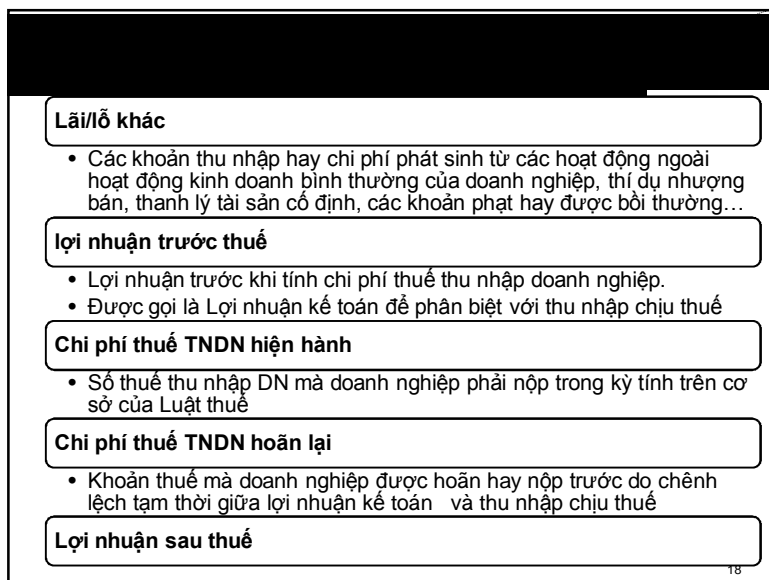
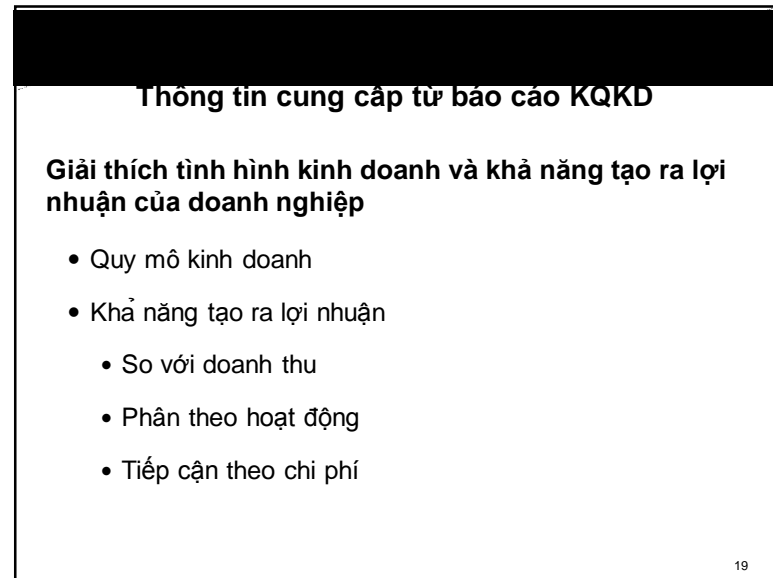
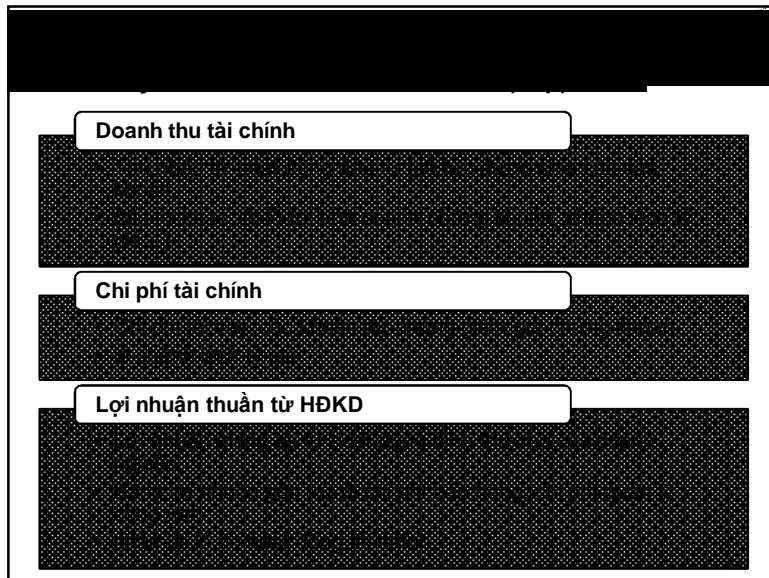
14

### Lợi nhuận gộp

### Chi phí bán hàng

### Chi phí quản lý doanh nghiệp

16



## Khai niệm

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Là một báo cáo tài chính tổng hợp.
- Phản ánh những hoạt động chính của doanh nghiệp qua dòng tiền vào và dòng tiền ra của doanh nghiệp.
- Giải thích sự thay đổi của tiền qua một kỳ tài chính.

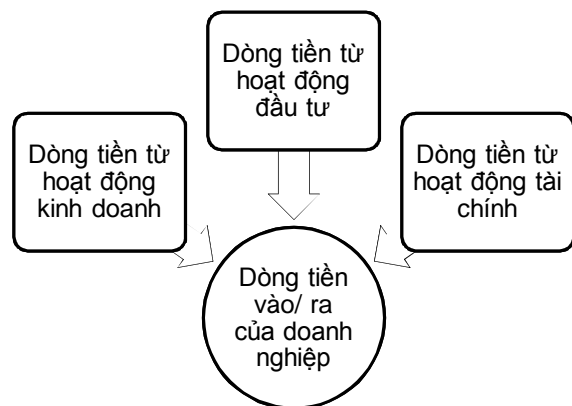
21

## Cách lập và nguồn số liệu

- Được lập theo hai phương pháp là Phương pháp trực tiếp và Phương pháp gián tiếp.
- Nguồn số liệu dùng để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp: là những nghiệp vụ ghi chép trên tài khoản tiền và tương đương tiền.

23

## Kết cấu báo cáo lưu chuyển tiền tệ



22

## Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh

Là những nghiệp vụ liên quan đến mua hay sản xuất hàng và dịch vụ rồi cung cấp cho khách hàng

- Dòng tiền của hoạt động kinh doanh phản ánh:
  - Thu từ bán hàng và dịch vụ
  - Chi cho các nguồn lực dùng cung cấp hàng hóa, dịch vụ

24

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		

### Dòng tiền từ hoạt động đầu tư

Bao gồm các dòng tiền vào và ra liên quan đến hoạt động mua hoặc thanh lý các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác không được xem là tương đương tiền.

27

### • Bài tập thực hành

Dựa vào các thông tin sau, xác định dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm của Công ty Nước tinh khiết DP:  
(Đơn vị tính 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Số tiền	Chỉ tiêu	Số tiền
Thu tiền của khách hàng	268.000	Chi mua thiết bị	76.500
Chi cho người lao động	57.500	Chi bưu phí	7.500
Chi cho dịch vụ tiện ích	20.000	Chi cho chủ sở hữu	5.000
Chi mua bảo hiểm	23.000	Chi mua hàng hóa	83.500
Thu tiền bán thiết bị	18.500		

26

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		

## Dòng tiền từ hoạt động tài chính

Bao gồm các dòng tiền vào và ra liên quan đến các hoạt động gây thay đổi quy mô và thành phần vốn chủ sở hữu và nợ vay.

29

## • Bài tập thực hành

Số liệu sau đây về các phát sinh tiền thu chi trong kỳ tài chính gần đây nhất của công ty mỹ phẩm 9X (đơn vị tính đồng).

Số tiền còn lúc đầu kỳ là	163.500.000
➢ Chia lãi cho chủ sở hữu:	25.000.000
➢ Chi trả cho công nhân viên	40.000.000
➢ Chi trả cho dịch vụ tiện ích	22.000.000
➢ Chi mua thiết bị	135.000.000
➢ Thu tiền phát hành cổ phiếu	1.000.000.000
➢ Thu tiền bán một miếng đất	200.000.000
➢ Chi tiền mua vật dụng	18.000.000

31

## Dòng tiền từ hoạt động tài chính

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		

## • Bài tập thực hành

➢ Chi tiền mua hàng hóa	84.000.000
➢ Thu tiền từ khách hàng	147.500.000
➢ Chi tiền trả nợ vay	350.000.000
➢ Chi tiền mua nhà xưởng	750.000.000
➢ Chi tiền thuê nhà	240.000.000

### Yêu cầu:

- Dùng những số liệu trên để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp cho Công ty mỹ phẩm 9X.
- Hãy cho biết nguồn tiền chủ yếu từ đâu và tiền được sử dụng chủ yếu vào đâu trong công ty?

32



Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		

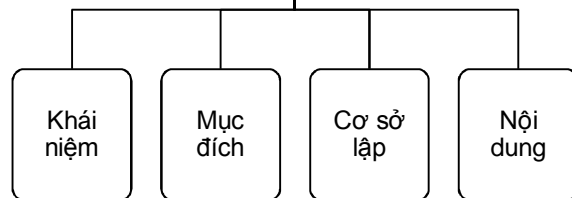
Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		

### Ý nghĩa thông tin

- Giải thích thông tin trên BCLCTT là cơ sở để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Cung cấp thông tin quan trọng để đánh giá hiệu quả của các quyết định trong quá khứ và viễn cảnh trong tương lai
- So sánh Dòng tiền từ HĐKD/LN thuần: có thể so sánh với cùng một công ty trong một khoảng thời gian hoặc với các công ty khác trong cùng ngành nhằm so sánh hiệu suất dòng tiền của từng doanh nghiệp.
- Trả lời câu hỏi vì sao Lợi nhuận thuần và tiền không bằng nhau?

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính



37

## Mục đích

Thuyết minh báo cáo tài chính là một trong những BCTC của doanh nghiệp, nhằm đưa ra thông tin chi tiết và mở rộng thông tin tóm tắt trong BCTC, để giúp người sử dụng hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động thực tế của DN trong khoảng thời gian báo cáo

39

## Khái niệm

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống BCTC của doanh nghiệp được lập để bổ sung, giải thích thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các BCTC khác không trình bày rõ ràng và chi tiết được

38

## Nội dung

- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
- Hình thức sở hữu vốn: Là công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hay doanh nghiệp tư nhân.
- Lĩnh vực kinh doanh: Nêu rõ là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp hoặc tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.
- Tổng số công nhân viên và lao động khác: Nêu rõ số lượng lao động bình quân trong năm của doanh nghiệp kể cả lao động đăng ký trong quỹ lương và lao động thuê ngoài.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Nêu rõ những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính các sự kiện sát nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

40

➤ **Tóm tắt các phương pháp kế toán khi ghi nhận:**

- Ngoại tệ
- Các khoản phải thu
- Hàng tồn kho
- Tài sản cố định

➤ **Bổ sung các số liệu chi tiết**

- Tiền và tương đương tiền
- Hàng tồn kho
- Tài sản cố định

41

○ Người dùng bên ngoài thường cần phải biết giá trị hiện tại của một công ty, tuy nhiên BCTC không phản ánh giá trị thị trường của một doanh nghiệp

○ Nhiều tài sản kinh tế vô hình không được ghi nhận trong BCTC. Ví dụ danh tiếng cho sản phẩm cao cấp hoặc dịch vụ khách hàng.

○ Một số số liệu là ước tính và phân bổ

○ Sử dụng giá gốc, không phản ánh giá hiện hành

○ Một số nghiệp vụ không được ghi chép

○ Một số nguồn lực và chi phí không được trình bày

○ Cung cấp thông tin không kịp thời

42